

Số: 326/QĐ-UBND

Đông Thịnh, ngày 26 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai dự toán thu NSNN trên địa bàn; thu- chi ngân sách địa phương năm 2024 và phương án phân bổ ngân sách cấp xã năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG THỊNH

Căn cứ luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 4123 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch UBND huyện Đông Sơn về việc giao dự toán thu chi ngân sách NSNN, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp huyện năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết HĐND xã số 16 /NQ-HĐND ngày 25 tháng 12 năm 2023 của HĐND xã Đông Thịnh về việc phê chuẩn dự toán thu NSNN trên địa bàn; thu- chi ngân sách địa phương năm 2024 và phương án phân bổ ngân sách cấp xã năm 2024, tại kỳ họp thứ mười hai khóa XX ;

Căn cứ vào mục tiêu phát triển kinh tế năm 2024 của địa phương ;

Theo đề nghị của công chức Tài chính- Kế toán xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai dự toán thu chi ngân sách xã Đông Thịnh năm 2024 gồm các nội dung sau:

Tổng số tiền : 76.359.805.000 đồng

(Bằng chữ: Bảy mươi sáu tỷ ba trăm năm mươi chín triệu tám trăm linh năm nghìn đồng).

1. Thu ngân sách xã: 76.359.805.000 đồng

Trong đó: - Các khoản thu hưởng 100%: 542.358.000 đồng

- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ: 72.220.367.000 đồng
- Thu bổ sung cân đối ngân sách cấp trên: 3.083.755.000 đồng
- Thu chuyển nguồn CCTL còn dư năm 2023 sang năm 2024 để thực hiện chính sách CCTL theo quy định: 513.325.000 đồng

2. Chi ngân sách xã: 76.359.805.000 đồng

Trong đó: - Chi đầu tư phát triển : 71.267.867.000 đồng
- Chi thường xuyên (bao gồm tiết kiệm 10% chi thường xuyên để thực hiện CCTL năm 2023) : 4.841.938.000 đồng
- Tiết kiệm chi 10% để CCTL: 50.000.000 đồng
- Dự phòng ngân sách: 200.000.000 đồng

Điều 2. Căn cứ vào dự toán thu, chi ngân sách xã năm 2024, bộ phận ngân sách xã thực hiện công khai dự toán thu chi theo đúng quy định của nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Văn phòng UBND xã các ban ngành có liên quan và bộ phận ngân sách xã chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 QĐ;
- Phòng TC-KH huyện (B/C);
- KBNN Thanh Hóa (B/C);
- TT Đảng ủy, HĐND, UBND (B/C);
- Niêm yết tại bộ phận 01 cửa (T/b);
- Lưu VP UBND, BNS.

TM. ỦY BAN NHÂN
CHỦ TỊCH



Lê Huy Hòa

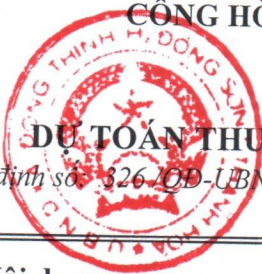


BIỂU CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Đúng cho Ủy ban nhân dân cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Đơn vị: đồng

Nội dung thu	Dự toán	Nội dung chi	Dự toán
<u>Tổng số thu</u>	76.359.805.000	<u>Tổng số chi</u>	76.359.805.000
I. Các khoản xã hưởng 100%	542.358.000	I. Chi đầu tư phát triển	71.267.867.000
II. Các khoản phân chia tỷ lệ	72.220.367.000	II. Chi thường xuyên	4.841.938.000
III. Bổ sung ngân sách cấp trên	3.083.755.000	III. Dự phòng	200.000.000
1. Bổ sung cân đối	3.083.755.000	IV. Tiết kiệm chi thường xuyên 10% để CCTL	50.000.000
2. Bổ sung có mục tiêu			
IV. Thu chuyển nguồn CCTL	513.325.000		
Thu chuyển nguồn CCTL còn dư năm 2023 sang năm 2024 để thực hiện chính sách CCTL theo quy định	513.325.000		



DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 326/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của Chủ tịch UBND xã Đông Thịnh)

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Dự toán huyện giao	Dự toán xã giao	Ghi chú
A	Tổng thu	35.112.328.000	76.359.805.000	
I	Các khoản thu điều tiết 100%	275.000.000	542.358.000	
1	Thu thầu đất công ích	180.000.000	180.000.000	
	Thu từ quỹ đất công ích	180.000.000	162.000.000	
	Thu cột phát sóng		18.000.000	
2	Thu phí lệ phí	25.000.000	25.000.000	
3	Thu sự nghiệp (thầu chợ)	70.000.000	70.000.000	
4	Thu khác (thu xử phạt, thu nợ,...)		267.358.000	
5	Thu kết dư ngân sách			
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	31.240.248.000	72.220.367.000	
1	Thuế CTN, DVNQD	46.200.000	46.200.000	
2	Lệ phí trước bạ	320.000.000	320.000.000	
3	Thuế thu nhập cá nhân	410.500.000	410.500.000	
4	Thuế môn bài	10.000.000	10.000.000	
5	Thuế SD đất phi nông nghiệp	75.800.000	75.800.000	
6	Thu tiền sử dụng đất	30.287.748.000	71.267.867.000	
7	Tiền thuê đất	10.000.000	10.000.000	
8	Thuế xây dựng nhà ở	20.000.000	20.000.000	
9	Thu khác	60.000.000	60.000.000	
III	Thu bổ sung ngân sách cấp trên	3.083.755.000	3.083.755.000	
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	3.083.755.000	3.083.755.000	
2	Thu bổ sung có mục tiêu			
IV	THU CHUYỂN NGUỒN	513.325.000	513.325.000	
	Thu chuyển nguồn CCTL còn dư năm 2023 sang năm 2024 để thực hiện chính sách CCTL theo quy định	513.325.000	513.325.000	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 326/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND xã Đông Thịnh)

TT	NỘI DUNG	Dự toán xã giao	Ghi chú
	TỔNG CHI	76.359.805.000	
A	CHI THƯỜNG XUYÊN	4.841.938.000	
1	Chi An ninh, Quốc phòng	60.000.000	
	Chi hoạt động, công tác tuyển quân, huấn luyện	30.000.000	
	Chi kinh phí hoạt động ban công an xã	30.000.000	
2	An toàn thực phẩm	20.000.000	
3	Y tế- KHHGD	13.400.000	
4	Chi sự nghiệp văn hóa -thể thao-thông tin	35.000.000	
5	Vệ sinh môi trường	52.000.000	
6	Chi hoạt động nông nghiệp và dịch vụ nông nghiệp	35.000.000	
	Chi hoạt động trồng trọt, khuyến nông	20.000.000	
	Chi hoạt động chăn nuôi, thú y	15.000.000	
7	Chi quản lý nhà nước	3.838.210.000	
7.1	Chi hoạt động HĐND	45.000.000	
	Kinh phí hoạt động HĐND	45.000.000	
7.2	Chi hoạt động quản lý nhà nước	3.793.210.000	
	Chi tiền lương+ phụ cấp+ các khoản trích theo lương cán bộ, công chức xã	3.204.210.000	
	Tiền công cán bộ hợp đồng	102.000.000	
	Khoản công tác phí	19.200.000	
	Chi thanh toán cước phí điện thoại	15.000.000	
	Chi thanh toán tiền sách báo tạp chí	10.000.000	
	Chi thanh toán tiền điện sáng	190.000.000	
	Chi thanh toán tiền nước sạch	16.000.000	
	Chi hỗ trợ cán bộ, công chức làm bộ phận tiếp nhận đầu mối TTHC cấp xã năm 2022 (theo NQ số 143/2018 của HĐND tỉnh Thanh Hóa, ngày 13/12/2018)	4.000.000	
	Chi thực hiện công tác thu thuế XD nhà ở	6.000.000	
	Chi hoạt động phản biện xã hội theo NQ 109/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018	10.000.000	
	Kinh phí tiếp dân	23.800.000	
	Chi tuyên truyền phát luật	2.000.000	
	Chi mua giấy tờ sổ sách hộ tịch	5.000.000	
	Chi công tác hòa giải cơ sở	1.000.000	
	Chi hội nghị UB	20.000.000	
	Chi đồ mực, bảo dưỡng, sửa chữa máy phô tô, vi tính	20.000.000	

	Chi Văn phòng phẩm	20.000.000
	Chi mua chè, nước uống UBND	15.000.000
	Chi công tác thi đua khen thưởng	25.000.000
	Chi kinh phí mua cây trồng trong dịp tết trồng cây	10.000.000
	Chi hoạt động khác	25.000.000
	Chi hỗ trợ kinh phí công tác thu	10.000.000
	Chi công tác quản lý Giáo dục đào tạo	40.000.000
8	Hoạt động của Đảng	180.752.000
	Kinh phí hoạt động của Đảng	141.252.000
	Báo CB nông thôn	24.500.000
	Kinh phí hoạt động của cơ quan Đảng theo QĐ 2587-QĐ/TW ngày 17/10/2018	15.000.000
9	Hoạt động của đoàn thanh niên	43.000.000
	Kinh phí hoạt động đoàn thanh niên	8.000.000
	Kinh phí hoạt động của hội LHTN	2.000.000
	Kinh phí đại hội hội LHTN	8.000.000
	Kinh phí hoạt động hè	15.000.000
	Chi ngày 01/6 và tết Trung thu	10.000.000
10	Hoạt động hội LHPN	8.000.000
	Kinh phí hoạt động	8.000.000
11	Hoạt động hội Nông dân	13.000.000
	Kinh phí Hoạt động	8.000.000
	Hội nghị tổng kết SXKD giỏi	5.000.000
12	Hoạt động hội cựu chiến binh xã	8.000.000
	Chi KP hoạt động	8.000.000
13	Hoạt động MTTQ	222.000.000
	Chi KP hoạt động MTTQ (NQ 108/2018/NQ-HĐND tỉnh)	20.000.000
	chi KP khu dân cư (theo NQ 108: 5tr/ thôn)	35.000.000
	Chi kinh phí hoạt động MTTQ	8.000.000
	Chi công tác giám sát cộng đồng	5.000.000
	Chi hoạt động ban thanh tra nhân dân	5.000.000
	KP hoạt động các tổ chức chính trị xã hội ở thôn	84.000.000
	Kinh phí tổ chức Đại hội	65.000.000
14	Chi hoạt động các tổ chức khác	197.052.000
14.1	Chi sự nghiệp giáo dục	40.000.000
	Chi phụ cấp + hoạt động TTHT cộng đồng- Khuyến học	40.000.000
14.2	Chi hoạt động của các hội đặc thù	157.052.000



	Chi phụ cấp các CT hội đặc thù	58.752.000	
	Kinh Phí mừng thọ hội người cao tuổi	51.300.000	
	KP tổ chức mừng thọ người cao tuổi	13.000.000	
	Chi KP hoạt động hội Người cao tuổi	5.000.000	
	Chi hỗ trợ kinh phí hoạt động của công đoàn xã	15.000.000	
	Chi kinh phí hoạt động hội CĐHH	2.000.000	
	Kinh phí hoạt động hội TNXP	2.000.000	
	Kinh phí hoạt động hội chữ thập đỏ	2.000.000	
	Kinh phí hoạt động hội cựu giáo chức	2.000.000	
	KP hoạt động hội trẻ mồ côi	2.000.000	
	KP hoạt động bộ đội trường sơn	2.000.000	
	KP hoạt động hội làm vườn	2.000.000	
15	Hoạt động xã hội	116.524.000	
	Chi lương hưu+ BHYT	106.524.000	
	Kỷ niệm ngày thương binh liệt sỹ, quà tết	10.000.000	
B	Tiết kiệm 10% CCTL	50.000.000	
C	Dự phòng Ngân sách	200.000.000	
D	Chi đầu tư XD CB	71.267.867.000	
I	Nhóm dự án đã phê duyệt quyết toán	8.013.569.000	
II	Nhóm dự án hoàn thành chờ quyết toán	50.141.198.000	
III	Nhóm dự án, công trình chuyển tiếp	13.113.100.000	